

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09 – 01 - 2019

“V/v ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUY, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Xuân Toàn

2. Bà Trương Thị Xê

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Linh –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/01/2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2018/TLS-HNGĐ ngày 16/7/2018 về việc ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/11/2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 41/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/12/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Võ Thị P, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đinh Thị B, sinh năm 1969

Trú tại: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Anh Lê Xuân Q, sinh năm 1974

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Anh Hoàng Trọng V, sinh năm 1973

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Chị Võ Thị T, sinh năm 1985

Trú tại: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Anh Lê Đức N, sinh năm 1981

Trú tại: Thôn D, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Bà Dương Thị H

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 08/7/2018, được bổ sung tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà, nguyên đơn anh Lê Văn L trình bày: Anh và chị Võ Thị P đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã H, huyện L ngày 24/5/1994 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 1/1994 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng ra ở riêng thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị Phương thay đổi tính tình cũng như tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đã được chính quyền địa phương hoà giải nhưng càng ngày tình cảm vợ chồng không còn, tính tính vợ chồng không hợp, vợ thường xuyên bạo hành, chửi bới, cuộc sống chung không hạnh phúc. Yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Võ Thị P. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Lê Thị Hồng C, sinh năm 1995; Lê Thị T, sinh năm 1996 và Lê Văn Q, sinh ngày 14/3/2000. Các con đã trưởng thành nên muốn sống với ai thì tùy các con. Về tài sản chung: Ngôi nhà cấp 4 trị giá 200.000.000 đồng, 511m² đất thổ cư trị giá 200.000.000 đồng, 1,6 ha cao su trị giá 100.000.000 đồng, 5.200m² đất tràm trị giá 10.000.000 đồng. Nguyên vọng của anh L xin nhận 1,6 ha đất và cây cao su để kiếm kế sống vì tuổi đã cao, không thể đi làm thuê được. Giao lại nhà cấp 4, 511m² đất thổ cư, 5.200m đất tràm cho vợ và các con và không ai bù tiền tài sản cho ai.

Ngày 20/7/2018, chị P gửi giấy trình bày ý kiến: Về tình cảm: Chị vẫn còn tình cảm với anh L, vợ chồng chưa có mâu thuẫn gì lớn, đề nghị Toà án hoà giải cho vợ chồng đoàn tụ. Về con chung có 03 con chung tên là Lê Thị Hồng C, sinh năm 1995; Lê Thị T, sinh năm 1996 và Lê Văn Q, sinh ngày 14/3/2000. Về tài sản chung gồm 511m² đất trị giá 120 triệu; 01 nhà xây kiểu nhà ống diện tích khoảng 150m² trị giá 800 triệu; 1,6 ha rừng trồng cây cao su trị giá 400 triệu, đất rừng trồng keo tràm 5.200m² trị giá 35 triệu. Về nợ chung gồm nợ anh Hoàng Trọng V (thợ mộc) 57.000.000 đồng; nợ chị Đinh Thị B (mượn tiền làm nhà và cho con ăn học) 250.000.000 đồng; nợ anh Lê Xuân Q (Thợ nề) 131.550.000 đồng; nợ chị Võ Thị T (vật liệu xây dựng) 380.670.000 đồng, tổng cộng 819.220.000 đồng và nộp cho Toà án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến các khoản nợ. Nguyên vọng của chị P mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu ly hôn, chị đề nghị chia đôi tài sản và nợ mỗi người hưởng và chịu trách nhiệm trả một nửa. Tại bản tự khai và các phiên hoà giải, chị P trình bày: Quá trình kết hôn giống như anh L đã trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc từ khi kết hôn cho đến tháng 7/2018. Cuối năm 2017, mặc dù không có tiền vì đã nuôi 03 con ăn học nhưng vợ chồng bàn bạc và quyết định làm nhà vì hai vợ chồng đã lớn tuổi, các con đã trưởng thành nhưng nhà ở còn tạm bợ. Trong thời gian làm nhà, anh L đi làm rừng, giao cho chị P quán xuyến, anh

L chỉ ký hợp đồng làm nhà còn lại các khâu từ vật liệu, giám sát, chi phí, vay mượn các khoản tiền đều do một mình chị P thực hiện nên đôi khi mệt mỏi và nảy sinh cái gắt với anh L. Sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, chị đã biết sai và ngay từ phiên hoà giải đầu tiên, chị P đã biết sai trái, đã rất hối hận về những lời nói xúc phạm anh L, chị đã xin lỗi và mong anh tha thứ, các phiên hoà giải tiếp theo và tại phiên toà chị P xác định vẫn còn tình cảm với anh L, chị còn thương yêu anh L, mong anh suy nghĩ lại, cho chị cơ hội sửa chữa để vợ chồng đoàn tụ. Chị P còn trình bày, anh L đã lớn tuổi, sức khoẻ yếu, hiện nay mắt anh rất kém; sau thời gian Toà án xem xét thẩm định tại chỗ đến nay anh L đã về thăm chị, vợ chồng sinh hoạt bình thường, vì vậy đề nghị Toà án không chấp nhận cho anh L ly hôn, để chị có điều kiện, thời gian chăm sóc anh L, sửa chữa khuyết điểm của mình. Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị không bổ sung gì thêm.

Ngày 26/9/2018, Toà án nhân dân huyện Lê Thuỷ nhận được Bản kê khai nợ đề ngày 25/9/2018 và các bản phô tô hoá đơn bán lẻ do anh Lê Văn L gửi qua dịch vụ bưu chính, kê khai nợ anh Lê Đức N hàng vật tư nông nghiệp để trồng, chăm bón và thu hoạch cây cao su số tiền 524.630.000 đồng.

Tại đơn đề nghị gửi cho Toà án đề ngày 27/9/2018 anh L đề nghị: “Sau khi vụ án ly hôn được xử, tôi đề nghị số tài sản của tôi giao lại cho con gái tôi là Lê Thị L, hiện tại cư trú tại thôn D, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Là vì hiện nay mắt tôi đã bị mờ mắt phải, mắt trái không thấy nữa. Để con tôi làm và nuôi tôi. Trong nguyện vọng của tôi được nhận lại lô cây cao su và tài sản gì đó cũng được”. Tại phiên toà anh L trình bày: Vào tháng 9/2018, anh đi kiểm tra mắt kết quả mắt trái không thấy, mắt phải còn 8/10. Về tình cảm, nguyện vọng xin ly hôn, về tài sản xin chia đôi lô đất và cây cao su, xin nhận phần đất chưa xây nhà ở phía Nam và không ai bù tiền chênh lệch tài sản cho ai.

Ngày 02/11/2018, anh L nộp Bản kê khai sử dụng diện tích đất trồng rừng 4.415,8m² chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với bà Dương Thị H có xác nhận của bà Dương Thị H và UBND xã T, huyện L.

Tại phiên hoà giải ngày 14/11/2018 cũng như tại phiên toà, anh L và chị Phương thống nhất tài sản chung của vợ chồng như kết quả định giá ngày 26/10/2018 gồm có 511m² đất thổ cư trị giá 40.263.000 đồng; 01 ngôi nhà ông hoàn thiện năm 2018 trị giá 715.691.280 đồng; 4.415,8 m² đất trồng tràm trị giá 35.193.926 đồng; 01 lô đất rừng trồng cao su 16.775,7 m² trị giá 595.672.800 đồng, tổng cộng: 1.386.821.006 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu tám trăm hai mươi một nghìn sáu đồng)

Về nợ chung, anh L trình bày: Trong quá trình xây dựng nhà có nợ chung nhưng không quá nhiều, chỉ nợ khoảng 50 triệu đồng vì khi làm nhà vợ chồng có khoảng 600 đến 700 triệu và số tiền này chị P quản lý. Các khoản nợ chị P kê khai anh không chấp nhận nợ chung, chị P nợ thì chị P trả. Về tài sản chung và nợ chung nguyện vọng của anh sau khi ly hôn chia đôi tài sản chung, anh L xin nhận lô đất trồng cây cao su, giao các tài sản còn lại cho chị P và chị P có nghĩa vụ trả nợ chung số tiền khoảng 50 triệu đồng. Chị P có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng nên rút yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung để vợ chồng cùng nhau làm ăn và trả nợ. Nhưng nếu ly hôn, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung và nợ chung mỗi

người một nữa. Đối với khoản tiền anh Liên kê khai nợ anh Lê Đức N chị P không chấp nhận là nợ chung.

Tại phiên hoà giải ngày 14/11/2018, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, ông Nguyễn Thái T trình bày: Tôi thấy anh chị đã có với nhau 03 đứa con, nhà vừa làm chưa hoàn thiện, Tôi cũng mong muốn vợ chồng anh chị tha thứ bỏ qua cho nhau vì anh chị cũng đã sống với nhau khoảng 20 năm. Mặc dù trong cuộc sống có rầy rà, xô xát vợ chồng nào cũng có. Anh chị tuổi đã lớn nên có tha thứ để các con được dựa vào để ăn học. Tôi biết chị P lắm lời, thiếu tôn trọng chồng, tính tình nóng nảy nên chị P cần thay đổi cách xử sự, thương yêu quan tâm đến chồng. Anh L có kiềm chế nhưng quá sức chịu đựng nên anh đã gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn. Tại phiên hòa giải hôm nay tôi mong anh L tha thứ cho chị P để vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái vì 02 con đang đi học đại học. Vì con chung mỗi người cần nhận thấy sai lầm, khuyết điểm của mình để vợ chồng đoàn tụ. Chị P cần phải chiều chồng, thương con hơn, anh L là trụ cột là người cầm lái có lúc phải nhịn vợ. Chị cũng đổi lại lời ăn tiếng nói để quay lại đoàn tụ với nhau.

Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 14/12/2018, anh Lê Văn L, anh Lê Đức N nộp văn bản rút yêu cầu giải quyết khoản nợ số tiền 524.630.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Trọng V: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị P trả cho anh công thợ mộc chưa thanh toán số tiền 57.000.000 đồng vì chị là người gọi anh đến làm nhà cho chị và anh L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Xuân Q: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh L, chị P trả cho anh số tiền 131.550.000 đồng tiền nợ công xây nhà vì anh L hợp đồng anh đến làm nhà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị B: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị P trả cho chị số tiền 250.000.000 đồng vì chị P là người trực tiếp mượn tiền của chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị T: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị P trả cho chị số tiền 380.670.000 đồng tiền nợ vật liệu chưa thanh toán vì chị P là người trực tiếp gọi lấy vật liệu xây dựng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, Luật sư Nguyễn Thái T vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt mặc dù Toà án đã tổng đạt quyết định hoãn phiên toà hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Đức N có mặt tại phiên toà lần thứ nhất nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 mặc dù Toà án đã tổng đạt quyết định hoãn phiên toà hợp lệ.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm việc thu thập chứng cứ chưa đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự tạm ngừng phiên toà để xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ: Xác định ngôi nhà nằm ở vị trí nào trên thửa đất, trên đất còn có những tài sản nào khác không, diện tích đất trống còn lại bao nhiêu mét, trị giá bao nhiêu để xem xét có chia được hay không theo nguyện vọng của đương sự và làm cơ sở cho việc giao tiền chênh lệch tài sản. Thu thập chứng cứ diện tích 511m² đất đã được Hội đồng định giá có hình dạng, kích thước và nằm ở vị trí nào, như thế nào

trong 676m² đất thực tế ông L, bà P sử dụng để tạm giao cho 1 người quản lý, sử dụng. Thu thập chứng cứ làm rõ giấy CNQSD đất cấp cho hộ ông Lê Văn L là tài sản của cả hộ gia đình hay của ông L để khỏi ảnh hưởng đến quyền lợi của các con ông L, bà P. Thu thập chứng cứ chứng minh bà P có nợ vật liệu xây dựng tại chị T thông qua sổ gốc ghi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, Luật sư Nguyễn Thái T vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; tại phiên toà, bị đơn Võ Thị P không yêu cầu Luật sư T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị mà chị tự bảo vệ cho mình, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Đinh Thị B vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Lê Đức N có mặt tại phiên toà lần thứ nhất nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Dương Thị H vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị B, anh N, bà H theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với đề nghị tạm ngừng phiên toà của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà để thu thập, bổ sung chứng cứ. Đối với yêu cầu xác định diện tích đất 511m², gồm 200m² đất ở và 311m² đất vườn được cấp cho ai. Tại phiên toà anh L và chị P đều trình bày diện tích đất này được cấp cho anh L và chị P; thời điểm cấp đất các con của anh chị còn nhỏ, đang đi học và thành phần phụ thuộc. Đối với các yêu cầu khác: Các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ nên Hội đồng xét xử không tạm ngừng phiên toà để thu thập tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn L và chị Võ Thị P là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh chị đã có thời gian dài chung sống hạnh phúc từ khi kết hôn cho đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, năm 2007 được chính quyền địa phương hoà giải, động viên nên anh L, chị P tiếp tục chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2018, được thể hiện vào cuối năm 2017, anh Liên và chị P bàn bạc, thống nhất làm nhà mới, anh L là người trực tiếp ký kết hợp đồng xây dựng nhà với anh Lê Xuân Q. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng anh, chị có những lúc mâu thuẫn, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn phần nhiều là do chị P thiếu sự dịu dàng, mềm mại của người phụ nữ, người vợ, nói những lời lẽ khó nghe, thiếu tôn trọng anh L. Theo chị P trình bày, do trong thời gian làm nhà, anh L đi làm rừng, giao cho chị chủ trì mọi công việc trong khi không có tiền phải nợ vật

liệu và vay mượn bà con, bạn bè nên chị bị áp lực về tâm lý, mệt mỏi dẫn đến hay cáu gắt vô cớ với anh L. Nay nhà đã cơ bản làm xong, các con đã đi làm và đi học, chị đã biết sai trái, đã rất hối hận về những lời nói không phải với anh L, tại các phiên hoà giải chị vẫn mong anh tha thứ, bỏ qua để vợ chồng đoàn tụ. Chị P đã biết sai, hối hận về cách xử sự của mình đối với chồng, tại phiên toà chị có nguyện vọng đoàn tụ vì chị còn thương yêu và còn tình cảm vợ chồng với anh L. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng của chị P là chính đáng, cần tạo cho chị P một cơ hội để chị sửa chữa, khắc phục khuyết điểm của mình; hơn nữa anh L tuổi đã cao, thị giác kém, nếu ly hôn anh phải sống dựa vào con gái để được chăm sóc trong khi chị P tha thiết đề nghị cho vợ chồng đoàn tụ để chị làm tròn trách nhiệm của người vợ. Theo nội dung công văn của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L gửi Tòa án về tình trạng hôn nhân của anh Lê Văn L và chị Võ Thị P: Trong quá trình chung sống vợ chồng có những xích mích nhỏ, tuy nhiên các bên chưa có bên nào đề nghị địa phương cũng như các đoàn thể hoà giải, phân tích về vấn đề tình cảm cũng như cuộc sống gia đình. Địa phương chưa phát hiện được hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong quá trình sinh sống tại địa phương. Tại phiên toà chị P trình bày, thời gian gần đây anh L vẫn về thăm chị và anh L cũng thừa nhận cho thấy tình cảm vợ chồng của anh L đối với chị P vẫn còn. Vì vậy, cần thiết tạo cho chị P một cơ hội để vợ chồng trở lại đoàn tụ, cùng chăm sóc lẫn nhau theo đạo lý “con chăm cha không bằng bà chăm ông”.

[2.2] Về quan hệ con cái: Các con chung của anh L, chị P đã trưởng thành; anh, chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Quá trình chung sống, anh L và chị P tạo lập khối tài sản chung gồm 511m² đất thổ cư; 01 ngôi nhà ông ; 4.415,8 m² đất trồng keo, trà, 01 lô đất rừng trồng cao su 16.775,7 m² trị giá 595.672.800 đồng, tổng cộng: 1.386.821.006 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu tám trăm hai mươi một nghìn sáu đồng).

Về nợ chung, anh L và chị P kê khai các khoản nợ tổng cộng 1.343.850.000 đồng (Một tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Ngày 14/12/2018 anh Lê Văn L và anh Lê Đức N có đơn xin rút yêu cầu giải quyết số tiền 524.630.000 đồng. Đối với các khoản nợ chị P trình bày, căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngôi nhà anh L, chị P thì thấy rằng ngôi nhà xây năm 2017 - 2018, nhà ông một tầng, diện tích 146,91m² trị giá 715.691.280 đồng. Anh L kê khai trị giá ngôi nhà 350.000.000 đồng và nợ khoảng 50.000.000 đồng; chị P kê khai trị giá ngôi nhà 800.000.000 đồng và nợ số tiền 819.220.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian làm nhà anh L không có mặt ở nhà, chi phí xây dựng ngôi nhà, các khoản nợ vật liệu, công thợ và vay mượn tiền mặt đều do chị P thực hiện; theo kết quả định giá, ngôi nhà của anh L, chị P có trị giá 715.691.280 đồng, anh L không thường xuyên ở nhà nên kê khai ngôi nhà mới xây trị giá 350.000.000 đồng. Nguyện vọng của anh L yêu cầu giải quyết ly hôn, chia đôi tài sản, nợ giao chị P trả; chị P có nguyện vọng đoàn tụ nhưng nếu ly hôn chị yêu cầu chia đôi tài sản chung và các khoản nợ chị đã kê khai. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L nên chưa giải quyết các khoản nợ. Anh

Hoàng Trọng V, anh Lê Xuân Q, chị Võ Thị T, chị Đinh Thị B có quyền khởi kiện vụ án khác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Xác định vị trí ngôi nhà và diện tích đất thực tế sử dụng của anh L, chị P nhiều hơn 165m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp: Sau khi xem xét, thẩm định tại chỗ thấy rằng, vị trí đất được cấp phía Bắc đã xây hàng rào, phía Đông giáp đường liên thôn đã xây hàng rào, phía Nam giáp đường đi nhưng chưa xây hàng rào, phía Tây ngăn cách bởi mương thoát nước. Hội đồng tiến hành xem xét, thẩm định và định giá diện tích 511m² theo yêu cầu của đương sự và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Căn cứ trích lục bản đồ và xem xét, thẩm định tại chỗ cũng như lời trình bày của các đương sự: Ngôi nhà được xây dựng trên phần đất phía Bắc, có chiều rộng 8,3 mét, chiều dài 17,7 mét. Phần diện tích tăng nằm ở phía Tây Nam, sát với đường đi vào xóm do trước đây là bờ tre nhưng hiện nay đã chặt phá nên diện tích đất tăng. Theo văn bản do UBND xã T, huyện L cung cấp: Kết quả đo đạc thực tế diện tích tăng là do sai số đo đạc giữa đo thủ công và đo bằng máy, diện tích đất sử dụng ổn định không tranh chấp. Vì vậy, nếu giải quyết tài sản, Hội đồng xét xử tạm giao phần diện tích vượt so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự.

[4] Đối với diện tích đất trồng rừng: Các đương sự đều trình bày diện tích đất trồng rừng ghép hộ được chia 5.200m². Tuy nhiên, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/10/2018, bản kê khai do nguyên đơn nộp, xác định đất trồng rừng của anh L, chị P chung với bà Dương Thị H (Bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung cho các hộ) diện tích thực tế sử dụng 4.415,8m², thiếu so với diện tích các đương sự đã kê khai 784,2m². Tại phiên toà các đương sự yêu cầu giải quyết diện tích 4.415,8m² và trình bày: Nguyên nhân giảm diện tích do các hộ thoả thuận chia tách phân ranh đai và căn cứ theo trích đo của đơn vị đo đạc để làm giấy CNQSD đất riêng. Theo văn bản do UBND xã T, huyện L cung cấp: Diện tích đất hộ ông Lê Văn L, Võ Thị P kê khai 5.200m² là do các hộ gia đình tự thoả thuận với nhau và đo bằng thủ công. Theo kết quả đo đạc địa chính để cấp giấy CNQSD đất, diện tích đất của ông Lê Văn L, bà Võ Thị P thuộc thửa 246, tờ bản đồ 30 với diện tích 4.415,8m²; bà Dương Thị H, người đại diện đứng tên trong giấy CNQSD đất chung cho các hộ gia đình cũng xác định diện tích đất của anh L, chị P là 4.415,8m². Trường hợp giải quyết tài sản, Hội đồng xét xử tạm giao diện tích 4.415,8m² theo yêu cầu của các đương sự để các đương sự làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn L đã nộp tạm ứng số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Đã chi phí số tiền 1.700.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của anh L không được chấp nhận nên phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 1.700.000 (Một triệu bảy trăm nghìn) đồng là phù hợp với khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trả lại 1.300.000 (Một triệu ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn thừa cho anh Lê Văn L.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Liên phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình;

Áp dụng khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Văn L. Quan hệ giữa anh Lê Văn L và chị Võ Thị P vẫn là quan hệ vợ chồng.

2/ Anh Hoàng Trọng V, anh Lê Xuân Q, chị Võ Thị T, chị Đinh Thị B có quyền khởi kiện vụ án khác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

3/ Về chi phí tố tụng: Buộc anh Lê Văn L phải chịu 1.700.000 (Một triệu bảy trăm nghìn) đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 3.000.000 (Ba triệu) đồng, anh L được nhận lại số tiền 1.300.000 (Một triệu ba trăm nghìn) đồng.

4/ Về án phí: Buộc anh Lê Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.800.000 đồng anh đã nộp theo biên lai số 0001807 ngày 17/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình. Anh L được hoàn trả 2.500.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lê Thủy. Trả lại cho chị Võ Thị P tiền tạm ứng án phí yêu cầu giải quyết tài sản số tiền 16.358.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số 0001854 ngày 07/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/01/2019); chị B, anh N, bà H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao nhận hoặc niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lê Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lê Thủy;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Ngọc Sơn

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THUYẾT
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09 – 01 - 2019

“V/v ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUYẾT, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Xuân Toàn

2. Bà Trương Thị Xê

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Linh –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thuỷ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa, Kiểm sát viên.

hợp, vợ thường xuyên bạo hành, chửi bới, cuộc sống chung không hạnh phúc. Yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Võ Thị Phương. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Lê Thị Hồng Cúc, sinh năm 1995; Lê Thị Thảo, sinh năm 1996 và Lê Văn Quân, sinh ngày 14/3/2000. Các con đã trưởng thành nên muốn sống với ai thì tùy các con. Về tài sản chung: Ngôi nhà cấp 4 trị giá 200.000.000 đồng, 511m² đất thổ cư trị giá 200.000.000 đồng, 1,6 ha cao su trị giá 100.000.000 đồng, 5.200m² đất tràm trị giá 10.000.000 đồng. Nguyên vọng của anh Liên xin nhận 1,6 ha đất và cây cao su để kiếm kế sống vì tuổi đã cao, không thể đi làm thuê được. Giao lại nhà cấp 4, 511m² đất thổ cư, 5.200 đất tràm cho vợ và các con và không ai bù tiền tài sản cho ai.

Ngày 20/7/2018, chị Phương gửi giấy trình bày ý kiến: Về tình cảm: Chị vẫn còn tình cảm với anh Liên, vợ chồng chưa có mâu thuẫn gì lớn, đề nghị Toà án hoà giải cho vợ chồng đoàn tụ. Về con chung có 03 con chung tên là Lê Thị Hồng Cúc, sinh năm 1995; Lê Thị Thảo, sinh năm 1996 và Lê Văn Quân, sinh ngày 14/3/2000. Về tài sản chung gồm 511m² đất trị giá 120 triệu; 01 nhà xây kiểu nhà ống diện tích khoảng 150m² trị giá 800 triệu; 1,6 ha rừng trồng cây cao su trị giá 400 triệu, đất rừng trồng keo tràm 5.200m² trị giá 35 triệu. Về nợ chung gồm nợ anh Hoàng Trọng Vinh (thợ mộc) 57.000.000 đồng; nợ chị Đinh Thị Bình (mượn tiền làm nhà và cho con ăn học) 250.000.000 đồng; nợ anh Lê Xuân Quảng (Thợ nề) 131.550.000 đồng; nợ chị Võ Thị Tú (vật liệu xây dựng) 380.670.000 đồng, tổng cộng 819.220.000 đồng và nộp cho Toà án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến các khoản nợ. Nguyên vọng của chị Phương mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu ly hôn, chị đề nghị chia đôi tài sản và nợ mỗi người hưởng và chịu trách nhiệm trả một nửa. Tại bản tự khai và các phiên hoà giải, chị Phương trình bày: Quá trình kết hôn giống như anh Liên đã trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc từ khi kết hôn cho đến tháng 7/2018. Cuối năm 2017, mặc dù không có tiền vì đã nuôi 03 con ăn học nhưng vợ chồng bàn bạc và quyết định làm nhà vì hai vợ chồng đã lớn tuổi, các con đã trưởng thành nhưng nhà ở còn tạm bợ. Trong thời gian làm nhà, anh Liên đi làm rừng, giao cho chị Phương quán xuyến, anh Liên chỉ ký hợp đồng làm nhà còn lại các khâu từ vật liệu, giám sát, chi phí, vay mượn các khoản tiền đều do một mình chị Phương thực hiện nên đôi khi mệt mỏi và nảy sinh cáu gắt với anh Liên. Sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, chị đã biết sai và ngay từ phiên hoà giải đầu tiên, chị Phương đã biết sai trái, đã rất hối hận về những lời nói xúc phạm anh Liên, chị đã xin lỗi và mong anh tha thứ, các phiên hoà giải tiếp theo và tại phiên toà chị Phương xác định vẫn còn tình cảm với anh Liên, chị còn thương yêu anh Liên, mong anh suy nghĩ lại, cho chị cơ hội sửa chữa để vợ chồng đoàn tụ. Chị Phương còn trình bày, anh Liên đã lớn tuổi, sức khoẻ yếu, hiện nay mắt anh rất kém; sau thời gian Toà án xem xét thăm định tại chỗ đến nay anh Liên đã về thăm chị, vợ chồng sinh hoạt bình thường, vì vậy đề nghị Toà án không chấp nhận cho anh Liên ly hôn, để chị có điều kiện, thời gian chăm sóc anh Liên, sửa chữa khuyết điểm của mình. Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị không bổ sung gì thêm.

Ngày 26/9/2018, Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy nhận được Bản kê khai nợ đề ngày 25/9/2018 và các bản phô tô hoá đơn bán lẻ do anh Lê Văn Liên gửi qua dịch

vụ buu chính, kê khai nợ anh Lê Đức Nhân hàng vật tư nông nghiệp để trồng, chăm bón và thu hoạch cây cao su số tiền 524.630.000 đồng.

Tại đơn đề nghị gửi cho Toà án đề ngày 27/9/2018 anh Liên đề nghị: “Sau khi vụ án ly hôn được xử, tôi đề nghị số tài sản của tôi giao lại cho con gái tôi là Lê Thị Lựu, hiện tại cư trú tại Duy Viên, Vĩnh Lâm, Vĩnh Linh, Quảng Trị. Là vì hiện nay mắt tôi đã bị mờ mắt phải, mắt trái không thấy nữa. Để con tôi làm và nuôi tôi. Trong nguyện vọng của tôi được nhận lại lô cây cao su và tài sản gì đó cũng được”. Tại phiên toà anh Liên trình bày: Vào tháng 9/2018, anh đi kiểm tra mắt kết quả mắt trái không thấy, mắt phải còn 8/10. Về tình cảm, nguyện vọng xin ly hôn, về tài sản xin chia đôi lô đất và cây cao su, xin nhận phần đất chưa xây nhà ở phía Nam và không ai bù tiền chênh lệch tài sản cho ai.

Ngày 02/11/2018, anh Liên nộp Bản kê khai sử dụng diện tích đất trồng rừng 4.415,8m² chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với bà Dương Thị Hế có xác nhận của bà Dương Thị Hế và UBND xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy.

Tại phiên hoà giải ngày 14/11/2018 cũng như tại phiên toà, anh Liên và chị Phương thống nhất tài sản chung của vợ chồng như kết quả định giá ngày 26/10/2018 gồm có 511m² đất thổ cư trị giá 40.263.000 đồng; 01 ngôi nhà ông hoàn thiện năm 2018 trị giá 715.691.280 đồng; 4.415,8 m² đất trồng tràm trị giá 35.193.926 đồng; 01 lô đất rừng trồng cao su 16.775,7 m² trị giá 595.672.800 đồng, tổng cộng: 1.386.821.006 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu tám trăm hai mươi một nghìn sáu đồng)

Về nợ chung, anh Liên trình bày: Trong quá trình xây dựng nhà có nợ chung nhưng không quá nhiều, chỉ nợ khoảng 50 triệu đồng vì khi làm nhà vợ chồng có khoảng 600 đến 700 triệu và số tiền này chị Phương quản lý. Các khoản nợ chị Phương kê khai anh không chấp nhận nợ chung, chị Phương nợ thì chị Phương trả. Về tài sản chung và nợ chung nguyện vọng của anh sau khi ly hôn chia đôi tài sản chung, anh Liên xin nhận lô đất trồng cây cao su, giao các tài sản còn lại cho chị Phương và chị Phương có nghĩa vụ trả nợ chung số tiền khoảng 50 triệu đồng. Chị Phương có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng nên rút yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung để vợ chồng cùng nhau làm ăn và trả nợ. Nhưng nếu ly hôn, chị Phương yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung và nợ chung mỗi người một nửa. Đối với khoản tiền anh Liên kê khai nợ anh Lê Đức Nhân chị Phương không chấp nhận là nợ chung.

Tại phiên hoà giải ngày 14/11/2018, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, ông Nguyễn Thái Tiệp trình bày: Tôi thấy anh chị đã có với nhau 03 đứa con, nhà vừa làm chưa hoàn thiện, Tôi cũng mong muốn vợ chồng anh chị tha thứ bỏ qua cho nhau vì anh chị cũng đã sống với nhau khoảng 20 năm. Mặc dù trong cuộc sống có rầy rà, xô xát vợ chồng nào cũng có. Anh chị tuổi đã lớn nên có tha thứ để các con để các con được dựa vào để ăn học. Tôi biết chị Phương lắm lời, thiếu tôn trọng chồng, tính tình nóng nảy nên chị Phương cần thay đổi cách xử sự, thương yêu quan tâm đến chồng. Anh Liên có kiềm chế nhưng quá sức chịu đựng nên anh đã gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn. Tại phiên hòa giải hôm nay tôi mong anh Liên tha thứ cho chị Phương để vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái

vì 02 con đang đi học đại học. Vì con chung mỗi người cần nhận thấy sai lầm, khuyết điểm của mình để vợ chồng đoàn tụ. Chị Phương cần phải chiều chồng, thương con hơn, anh Liên là trụ cột là người cầm lái có lúc phải nhin vợ. Chị cũng đổi lại lời ăn tiếng nói để quay lại đoàn tụ với nhau.

Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 14/12/2018, anh Lê Văn Liên, anh Lê Đức Nhân nộp văn bản rút yêu cầu giải quyết khoản nợ số tiền 524.630.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Trọng Vinh: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phương trả cho anh công thợ mộc chưa thanh toán số tiền 57.000.000 đồng vì chị là người gọi anh đến là nhà cho chị và anh Liên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Xuân Quảng: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Liên, chị Phương trả cho anh số tiền 131.550.000 đồng tiền nợ công xây nhà vì anh Liên hợp đồng anh đến làm nhà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Bình: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phương trả cho chị số tiền 250.000.000 đồng vì chị Phương là người trực tiếp mượn tiền của chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Tú: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phương trả cho chị số tiền 380.670.000 đồng tiền nợ vật liệu chưa thanh toán vì chị Phương là người trực tiếp gọi lấy vật liệu xây dựng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, Luật sư Nguyễn Thái Tiệp vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt mặc dù Toà án đã tổng đạt quyết định hoãn phiên toà hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Đức Nhân có mặt tại phiên toà lần thứ nhất nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 mặc dù Toà án đã tổng đạt quyết định hoãn phiên toà hợp lệ.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm việc thu thập chứng cứ chưa đúng quy định của pháp luật, đề nghị tạm ngừng phiên toà để thu thập chứng cứ xác định vị trí ngôi nhà xây dựng trên phần đất nào, diện tích đất còn lại bao nhiêu mét vuông và trị giá bao nhiêu để có cơ sở chia cho các đương sự; thu thập chứng cứ diện tích 511m² đất nằm ở vị trí nào, có hình dạng kích thước như thế nào nhằm xác định diện tích tăng để tạm giao cho các đương sự; thu thập chứng cứ diện tích 511m² đất cấp cho những ai; thu thập chứng cứ chứng minh phần nợ của chị Tú thông qua sổ ghi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, Luật sư Nguyễn Thái Tiệp vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; tại phiên toà, bị đơn Võ Thị Phương không yêu cầu Luật sư Tiệp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn theo điểm đ khoản 2

Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Đức Nhân có mặt tại phiên toà lần thứ nhất nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2. Ngày 14/12/2018, anh Lê Đức Nhân nộp văn bản rút yêu cầu giải quyết buộc ông Lê Văn Liên trả cho anh số tiền 524.630.000 đồng nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Lê Đức Nhân. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Dương Thị Hế vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Hế theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với đề nghị tạm ngừng phiên toà của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà để thu thập, bổ sung chứng cứ. Đối với yêu cầu xác định diện tích đất 511m² gồm 200m² đất ở và 311m² đất vườn được cấp cho ai xác định. Tại phiên toà anh Liên và chị Phương đều trình bày diện tích đất này được cấp cho anh Liên và chị Phương; thời điểm cấp đất các con của anh chị còn nhỏ, đang đi học và thành phần phụ thuộc. Đối với các yêu cầu khác: Các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ nên Hội đồng xét xử quyết định không tạm ngừng phiên toà để thu thập tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn Liên và chị Võ Thị Phương là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh chị đã có thời gian dài chung sống hạnh phúc từ khi kết hôn cho đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, năm 2007 được chính quyền địa phương hoà giải, động viên nên anh Liên, chị Phương tiếp tục chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2018, được thể hiện vào cuối năm 2017, anh Liên và chị Phương bàn bạc, thống nhất làm nhà mới, anh Liên là người trực tiếp ký kết hợp đồng xây dựng nhà với anh Lê Xuân Quảng. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng anh, chị có những lúc mâu thuẫn, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn phần nhiều là do chị Phương thiếu sự dịu dàng, mềm mại của người phụ nữ, người vợ, nói những lời lẽ khó nghe, thiếu tôn trọng anh Liên. Theo chị Phương trình bày, do trong thời gian làm nhà, anh Liên đi làm rừng, giao cho chị chủ trì mọi công việc trong khi không có tiền phải nợ vật liệu và vay mượn bà con, bạn bè nên chị bị áp lực về tâm lý, mệt mỏi dẫn đến hay cáu bẳn vô cớ với anh Liên. Nay nhà đã cơ bản làm xong, các con đã đi làm và đi học, chị đã biết sai trái, đã rất hối hận về những lời nói không phải với anh Liên, tại các phiên hoà giải chị vẫn mong anh tha thứ, bỏ qua để vợ chồng đoàn tụ. Chị Phương đã biết sai, hối hận về cách xử sự của mình đối với chồng, tại phiên toà chị có nguyện vọng đoàn tụ vì chị còn thương yêu và còn tình cảm vợ chồng với anh Liên. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng của chị Phương là chính đáng, cần tạo cho chị Phương một cơ hội để chị sửa chữa, khắc phục khuyết điểm của mình; hơn nữa anh Liên tuổi đã cao, thị giác kém, nếu ly hôn anh phải sống dựa vào con gái để được chăm sóc trong khi chị Phương tha thiết đề nghị cho vợ chồng đoàn tụ để chị làm tròn trách nhiệm của người vợ. Tại phiên toà chị Phương trình bày, thời gian gần đây anh Liên vẫn về thăm chị và anh Liên cũng thừa nhận cho thấy tình cảm vợ chồng của anh Liên đối với chị Phương vẫn còn. Vì vậy, cần thiết tạo cho chị Phương một cơ hội để vợ chồng trở lại

đoàn tụ, cùng chăm sóc lẫn nhau theo đạo lý “con chăm cha không bằng bà chăm ông”.

[2.2] Về quan hệ con cái: Các con chung của anh Liên, chị Phương đã trưởng thành; anh, chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Quá trình chung sống, anh Liên và chị Phương tạo lập khối tài sản chung gồm 511m² đất thổ cư; 01 ngôi nhà ống ; 4.415,8 m² đất trồng keo, trầm tổng cộng: 1.386.821.006 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu tám trăm hai mươi một nghìn sáu đồng).

Về nợ chung, anh Liên và chị Phương kê khai các khoản nợ tổng cộng 1.343.850.000 đồng (Một tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Ngày 14/12/2018 anh Lê Văn Liên và anh Lê Đức Nhân có đơn xin rút yêu cầu giải quyết số tiền 524.630.000 đồng. Đối với các khoản nợ chị Phương trình bày, căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngôi nhà anh Liên, chị Phương thì thấy rằng ngôi nhà xây năm 2017-2018, nhà ống một tầng đã hoàn thiện, diện tích 146,91m² trị giá 715.691.280 đồng. Anh Liên kê khai trị giá ngôi nhà 350.000.000 đồng và nợ khoảng 50.000.000 đồng; chị Phương kê khai trị giá ngôi nhà 800.000.000 đồng và nợ số tiền 819.220.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian làm nhà anh Liên không có mặt ở nhà, chi phí xây dựng ngôi nhà, các khoản nợ vật liệu, công thợ và vay mượn tiền mặt đều do chị Phương thực hiện, anh Liên không biết nên kê khai giá trị ngôi nhà mới xây trị giá 350.000.000 đồng. Thông thường, giá trị thực tế ngôi nhà luôn cao hơn giá do hội đồng định giá xác định. Vì vậy, các khoản nợ chị Phương kê khai và yêu cầu giải quyết là nợ chung của vợ chồng là có cơ sở. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Liên nên không xem xét các khoản nợ chung này. Anh Hoàng Trọng Vinh, anh Lê Xuân Quảng, chị Võ Thị Tú, chị Đinh Thị Bình có quyền khởi kiện những người vay mượn, nợ tiền vật liệu, nợ tiền công để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Xác định vị trí ngôi nhà và diện tích đất thực tế sử dụng của anh Liên, chị Phương nhiều hơn 165m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp: Sau khi xem xét, thẩm định tại chỗ thấy rằng, vị trí đất được cấp phía Bắc đã xây hàng rào, phía Đông giáp đường liên thôn đã xây hàng rào, phía Nam giáp đường đi nhưng chưa xây hàng rào, phía Tây ngăn cách bởi mương thoát nước. Hội đồng tiến hành xem xét, thẩm định và định giá diện tích 511m² theo yêu cầu của đương sự và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Căn cứ trích lục bản đồ và xem xét, thẩm định tại chỗ cũng như lời trình bày của các đương sự: Ngôi nhà được xây dựng trên phần đất phía Bắc, có chiều rộng 8,3 mét, chiều dài 17,7 mét. Phần diện tích tăng nằm ở phía Tây Nam, sát với đường đi vào xóm do trước đây là bờ tre nhưng hiện nay đã chặt phá hết. Theo văn bản do UBND xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy cung cấp: Kết quả đo đạc thực tế diện tích tăng là do sai số đo đạc giữa đo thủ công và đo bằng máy, diện tích đất sử dụng ổn định không tranh chấp. Vì vậy, nếu giải quyết tài sản, Hội đồng xét xử tạm giao phần diện tích vượt so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự.

[4] Đối với diện tích đất trồng rừng: Các đương sự đều trình bày diện tích đất trồng rừng ghép hộ được chia 5.200m². Tuy nhiên, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/10/2018, bản kê khai do nguyên đơn nộp, xác định đất trồng rừng của anh Liên, chị Phương chung với bà Dương Thị Hế (Bà Hế đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung cho các hộ) diện tích thực tế sử dụng 4.415,8m², thiếu so với diện tích các đương sự đã kê khai 784,2m². Tại phiên toà các đương sự yêu cầu giải quyết diện tích 4.415,8m² và trình bày: Nguyên nhân giảm diện tích do các hộ thoả thuận chia tách phân ranh đai và căn cứ theo trích đo của đơn vị đo đạc để làm giấy CNQSD đất riêng. Theo văn bản do UBND xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy cung cấp: Diện tích đất hộ ông Lê Văn Liên, Võ Thị Phương kê khai 5.200m² là do các hộ gia đình tự thoả thuận với nhau và đo bằng thủ công. Theo kết quả đo đạc địa chính để cấp giấy CNQSD đất, diện tích đất của ông Lê Văn Liên, bà Võ Thị Phương thuộc thửa 246, tờ bản đồ 30 với diện tích 4.415,8m²; bà Dương Thị Hế, người đại diện đứng tên trong giấy CNQSD đất chung cho các hộ gia đình cũng xác định diện tích đất của anh Liên, chị Phương là 4.415,8m². Trường hợp giải quyết tài sản, Hội đồng xét xử tạm giao diện tích 4.415,8m² theo yêu cầu của các đương sự để các đương sự làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn Liên đã nộp tạm ứng số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Đã chi phí số tiền 1.700.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của anh Liên không được chấp nhận nên phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 1.700.000 (Một triệu bảy trăm nghìn) đồng là phù hợp với khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trả lại 1.300.000 (Một triệu ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn thừa cho anh Lê Văn Liên.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Liên phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình;

Áp dụng khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm h khoản 1 Điều 217, điểm đ khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Văn Liên. Quan hệ giữa anh Lê Văn Liên và chị Võ Thị Phương vẫn là quan hệ vợ chồng.

2/ Anh Hoàng Trọng Vinh, anh Lê Xuân Quảng, chị Võ Thị Tú, chị Đinh Thị Bình có quyền khởi kiện những người vay mượn, nợ tiền vật liệu, nợ tiền công để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình.

3/ Về chi phí tố tụng: Buộc anh Lê Văn Liên phải chịu 1.700.000 (Một triệu bảy trăm nghìn) đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; được

trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 3.000.000 (Ba triệu) đồng, anh Liên được nhận lại số tiền 1.300.000 (Một triệu ba trăm nghìn) đồng.

4/ Về án phí: Buộc anh Lê Văn Liên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.800.000 đồng anh đã nộp theo biên lai số 0001807 ngày 17/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Anh Liên được hoàn trả 2.500.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy. Trả lại cho chị Võ Thị Phương tiền tạm ứng án phí yêu cầu giải quyết tài sản số tiền 16.358.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số 0001854 ngày 07/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Án xử công khai có mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/01/2019) để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Võ Xuân Toàn

Trương Thị Xê

Nguyễn Ngọc Sơn

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THUY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09 – 01 - 2019

“V/v ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUY, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Xuân Toàn

2. Bà Trương Thị Xê

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Linh –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/01/2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2018/TLS-HNGĐ ngày 16/7/2018 về việc ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/11/2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 41/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/12/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn Liên, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn Tân Truyền, xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Tạm trú tại: 155/5 Lê Duẩn, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.
mặt.

2. Bị đơn: Chị Võ Thị Phương, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn Tân Truyền, xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.
mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đinh Thị Bình, sinh năm 1969

Trú tại: Thôn Thắng Lợi, xã Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.
mặt.

- Anh Lê Xuân Quảng, sinh năm 1974

Trú tại: Thôn Tân Truyền, xã Tân Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình. mặt.

- Anh Hoàng Trọng Vinh, sinh năm 1973

Trú tại: Thôn Tân Truyền, xã Tân Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình. mặt.

- Chị Võ Thị Tú, sinh năm 1985

Trú tại: Thôn Phù Thị, xã Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.
mặt.

- Anh Lê Đức Nhân, sinh năm 1981

Trú tại: Thôn Duy Liên, xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.
mặt.

- Bà Dương Thị Hề

Trú tại: Thôn Tân Truyền, xã Tân Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình. mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 08/7/2018, được bổ sung tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà, nguyên đơn anh Lê Văn Liên trình bày:

Anh và chị Võ Thị Phương đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy ngày 24/5/1994 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 1/1994 của Ủy ban nhân dân xã Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng ra ở riêng thôn Tân Truyền, xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị Phương thay đổi tính tình cũng như tình

cảm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đã được chính quyền địa phương hoà giải nhưng càng ngày tình cảm vợ chồng không còn, tính tính vợ chồng không hợp, vợ thường xuyên bạo hành, chửi bới, cuộc sống chung không hạnh phúc. Yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Võ Thị Phương. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Lê Thị Hồng Cúc, sinh năm 1995; Lê Thị Thảo, sinh năm 1996 và Lê Văn Quân, sinh ngày 14/3/2000. Các con đã trưởng thành nên muốn sống với ai thì tùy các con. Về tài sản chung: Ngôi nhà cấp 4 trị giá 200.000.000 đồng, 511m² đất thổ cư trị giá 200.000.000 đồng, 1,6 ha cao su trị giá 100.000.000 đồng, 5.200m² đất tràm trị giá 10.000.000 đồng. Nguyên vọng của anh Liên xin nhận 1,6 ha đất và cây cao su để kiếm kế sống vì tuổi đã cao, không thể đi làm thuê được. Giao lại nhà cấp 4, 511m² đất thổ cư, 5.200 đất tràm cho vợ và các con và không ai bù tiền tài sản cho ai.

Ngày 20/7/2018, chị Phương gửi giấy trình bày ý kiến: Về tình cảm: Chị vẫn còn tình cảm với anh Liên, vợ chồng chưa có mâu thuẫn gì lớn, đề nghị Toà án hoà giải cho vợ chồng đoàn tụ. Về con chung có 03 con chung tên là Lê Thị Hồng Cúc, sinh năm 1995; Lê Thị Thảo, sinh năm 1996 và Lê Văn Quân, sinh ngày 14/3/2000. Về tài sản chung gồm 511m² đất trị giá 120 triệu; 01 nhà xây kiểu nhà ống diện tích khoảng 150m² trị giá 800 triệu; 1,6 ha rừng trồng cây cao su trị giá 400 triệu, đất rừng trồng keo tràm 5.200m² trị giá 35 triệu. Về nợ chung gồm nợ anh Hoàng Trọng Vinh (thợ mộc) 57.000.000 đồng; nợ chị Đinh Thị Bình (mượn tiền làm nhà và cho con ăn học) 250.000.000 đồng; nợ anh Lê Xuân Quảng (Thợ nề) 131.550.000 đồng; nợ chị Võ Thị Tú (vật liệu xây dựng) 380.670.000 đồng, tổng cộng 819.220.000 đồng và nộp cho Toà án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến các khoản nợ. Nguyên vọng của chị Phương mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu ly hôn, chị đề nghị chia đôi tài sản và nợ mỗi người hưởng và chịu trách nhiệm trả một nửa. Tại bản tự khai và các phiên hoà giải, chị Phương trình bày: Quá trình kết hôn giống như anh Liên đã trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc từ khi kết hôn cho đến tháng 7/2018. Cuối năm 2017, mặc dù không có tiền vì đã nuôi 03 con ăn học nhưng vợ chồng bàn bạc và quyết định làm nhà vì hai vợ chồng đã lớn tuổi, các con đã trưởng thành nhưng nhà ở còn tạm bợ. Trong thời gian làm nhà, anh Liên đi làm rừng, giao cho chị Phương quán xuyến, anh Liên chỉ ký hợp đồng làm nhà còn lại các khâu từ vật liệu, giám sát, chi phí, vay mượn các khoản tiền đều do một mình chị Phương thực hiện nên đôi khi mệt mỏi và nảy sinh cáu gắt với anh Liên. Sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, chị đã biết sai và ngay từ phiên hoà giải đầu tiên, chị Phương đã biết sai trái, đã rất hối hận về những lời nói xúc phạm anh Liên, chị đã xin lỗi và mong anh tha thứ, các phiên hoà giải tiếp theo và tại phiên toà chị Phương xác định vẫn còn tình cảm với anh Liên, chị còn thương yêu anh Liên, mong anh suy nghĩ lại, cho chị cơ hội sửa chữa để vợ chồng đoàn tụ. Chị Phương còn trình bày, anh Liên đã lớn tuổi, sức khoẻ yếu, hiện nay mắt anh rất kém; sau thời gian Toà án xem xét thẩm định tại chỗ đến nay anh Liên đã về thăm chị, vợ chồng sinh hoạt bình thường, vì vậy đề nghị Toà án không chấp nhận cho anh Liên ly hôn, để chị có điều kiện, thời gian chăm sóc anh Liên, sửa chữa khuyết điểm của mình. Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị không bổ sung gì thêm.

Ngày 26/9/2018, Toà án nhân dân huyện Lê Thuỷ nhận được Bản kê khai nợ đề ngày 25/9/2018 và các bản phô tô hoá đơn bán lẻ do anh Lê Văn Liên gửi qua dịch vụ bưu chính, kê khai nợ anh Lê Đức Nhân hàng vật tư nông nghiệp để trồng, chăm bón và thu hoạch cây cao su số tiền 524.630.000 đồng.

Tại đơn đề nghị gửi cho Toà án đề ngày 27/9/2018 anh Liên đề nghị: “Sau khi vụ án ly hôn được xử, tôi đề nghị số tài sản của tôi giao lại cho con gái tôi là Lê Thị Lựu, hiện tại cư trú tại Duy Viên, Vĩnh Lâm, Vĩnh Linh, Quảng Trị. Là vì hiện nay mắt tôi đã bị mờ mắt phải, mắt trái không thấy nữa. Để con tôi làm và nuôi tôi. Trong nguyện vọng của tôi được nhận lại lô cây cao su và tài sản gì đó cũng được”. Tại phiên toà anh Liên trình bày: Vào tháng 9/2018, anh đi kiểm tra mắt kết quả mắt trái không thấy, mắt phải còn 8/10. Về tình cảm, nguyện vọng xin ly hôn, về tài sản xin chia đôi lô đất và cây cao su, xin nhận phần đất chưa xây nhà ở phía Nam và không ai bù tiền chênh lệch tài sản cho ai.

Ngày 02/11/2018, anh Liên nộp Bản kê khai sử dụng diện tích đất trồng rừng 4.415,8m² chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với bà Dương Thị Hế có xác nhận của bà Dương Thị Hế và UBND xã Tân Thuỷ, huyện Lê Thuỷ.

Tại phiên hoà giải ngày 14/11/2018 cũng như tại phiên toà, anh Liên và chị Phương thống nhất tài sản chung của vợ chồng như kết quả định giá ngày 26/10/2018 gồm có 511m² đất thổ cư trị giá 40.263.000 đồng; 01 ngôi nhà ông hoàn thiện năm 2018 trị giá 715.691.280 đồng; 4.415,8 m² đất trồng tràm trị giá 35.193.926 đồng; 01 lô đất rừng trồng cao su 16.775,7 m² trị giá 595.672.800 đồng, tổng cộng: 1.386.821.006 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu tám trăm hai mươi một nghìn sáu đồng)

Về nợ chung, anh Liên trình bày: Trong quá trình xây dựng nhà có nợ chung nhưng không quá nhiều, chỉ nợ khoảng 50 triệu đồng vì khi làm nhà vợ chồng có khoảng 600 đến 700 triệu và số tiền này chị Phương quản lý. Các khoản nợ chị Phương kê khai anh không chấp nhận nợ chung, chị Phương nợ thì chị Phương trả. Về tài sản chung và nợ chung nguyện vọng của anh sau khi ly hôn chia đôi tài sản chung, anh Liên xin nhận lô đất trồng cây cao su, giao các tài sản còn lại cho chị Phương và chị Phương có nghĩa vụ trả nợ chung số tiền khoảng 50 triệu đồng. Chị Phương có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng nên rút yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung để vợ chồng cùng nhau làm ăn và trả nợ. Nhưng nếu ly hôn, chị Phương yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung và nợ chung mỗi người một nửa. Đối với khoản tiền anh Liên kê khai nợ anh Lê Đức Nhân chị Phương không chấp nhận là nợ chung.

Tại phiên hoà giải ngày 14/11/2018, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, ông Nguyễn Thái Tiệp trình bày: Tôi thấy anh chị đã có với nhau 03 đứa con, nhà vừa làm chưa hoàn thiện, Tôi cũng mong muốn vợ chồng anh chị tha thứ bỏ qua cho nhau vì anh chị cũng đã sống với nhau khoảng 20 năm. Mặc dù trong cuộc sống có rầy rà, xô xát vợ chồng nào cũng có. Anh chị tuổi đã lớn nên có tha thứ để các con để các con được dựa vào để ăn học. Tôi biết chị Phương lắm lời, thiếu tôn trọng chồng, tính tình nóng nảy nên chị Phương cần thay đổi cách xử sự, thương yêu quan tâm đến chồng. Anh Liên có kiềm chế nhưng quá sức chịu đựng nên anh đã gửi

đơn đến Tòa án xin ly hôn. Tại phiên hòa giải hôm nay tôi mong anh Liên tha thứ cho chị Phương để vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái vì 02 con đang đi học đại học. Vì con chung mỗi người cần nhận thấy sai lầm, khuyết điểm của mình để vợ chồng đoàn tụ. Chị Phương cần phải chiều chồng, thương con hơn, anh Liên là trụ cột là người cầm lái có lúc phải nhịn vợ. Chị cũng đổi lại lời ăn tiếng nói để quay lại đoàn tụ với nhau.

Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 14/12/2018, anh Lê Văn Liên, anh Lê Đức Nhân nộp văn bản rút yêu cầu giải quyết khoản nợ số tiền 524.630.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Trọng Vinh: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phương trả cho anh công thợ mộc chưa thanh toán số tiền 57.000.000 đồng vì chị là người gọi anh đến là nhà cho chị và anh Liên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Xuân Quảng: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Liên, chị Phương trả cho anh số tiền 131.550.000 đồng tiền nợ công xây nhà vì anh Liên hợp đồng anh đến làm nhà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Bình: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phương trả cho chị số tiền 250.000.000 đồng vì chị Phương là người trực tiếp mượn tiền của chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Tú: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phương trả cho chị số tiền 380.670.000 đồng tiền nợ vật liệu chưa thanh toán vì chị Phương là người trực tiếp gọi lấy vật liệu xây dựng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, Luật sư Nguyễn Thái Tiệp vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt mặc dù Toà án đã tổng đạt quyết định hoãn phiên toà hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Đức Nhân có mặt tại phiên toà lần thứ nhất nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 mặc dù Toà án đã tổng đạt quyết định hoãn phiên toà hợp lệ.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm việc thu thập chứng cứ chưa đúng quy định của pháp luật, đề nghị tạm ngừng phiên toà để thu thập chứng cứ xác định vị trí ngôi nhà xây dựng trên phần đất nào, diện tích đất còn lại bao nhiêu mét vuông và trị giá bao nhiêu để có cơ sở chia cho các đương sự; thu thập chứng cứ diện tích 511m² đất nằm ở vị trí nào, có hình dạng kích thước như thế nào nhằm xác định diện tích tăng để tạm giao cho các đương sự; thu thập chứng cứ diện tích 511m² đất cấp cho những ai; thu thập chứng cứ chứng minh phần nợ của chị Tú thông qua sổ ghi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, Luật sư Nguyễn Thái Tiệp vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; tại phiên toà, bị đơn Võ Thị Phương không yêu cầu Luật sư

Tiếp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn theo điểm đ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Đức Nhân có mặt tại phiên toà lần thứ nhất nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2. Ngày 14/12/2018, anh Lê Đức Nhân nộp văn bản rút yêu cầu giải quyết buộc ông Lê Văn Liên trả cho anh số tiền 524.630.000 đồng nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Lê Đức Nhân. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Dương Thị Hế vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Hế theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với đề nghị tạm ngừng phiên toà của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà để thu thập, bổ sung chứng cứ. Đối với yêu cầu xác định diện tích đất 511m², gồm 200m² đất ở và 311m² đất vườn được cấp cho ai xác định. Tại phiên toà anh Liên và chị Phương đều trình bày diện tích đất này được cấp cho anh Liên và chị Phương; thời điểm cấp đất các con của anh chị còn nhỏ, đang đi học và thành phần phụ thuộc. Đối với các yêu cầu khác: Các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ nên Hội đồng xét xử quyết định không tạm ngừng phiên toà để thu thập tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn Liên và chị Võ Thị Phương là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh chị đã có thời gian dài chung sống hạnh phúc từ khi kết hôn cho đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, năm 2007 được chính quyền địa phương hoà giải, động viên nên anh Liên, chị Phương tiếp tục chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2018, được thể hiện vào cuối năm 2017, anh Liên và chị Phương bàn bạc, thống nhất làm nhà mới, anh Liên là người trực tiếp ký kết hợp đồng xây dựng nhà với anh Lê Xuân Quảng. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng anh, chị có những lúc mâu thuẫn, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn phần nhiều là do chị Phương thiếu sự dịu dàng, mềm mại của người phụ nữ, người vợ, nói những lời lẽ khó nghe, thiếu tôn trọng anh Liên. Theo chị Phương trình bày, do trong thời gian làm nhà, anh Liên đi làm rừng, giao cho chị chủ trì mọi công việc trong khi không có tiền phải nợ vật liệu và vay mượn bà con, bạn bè nên chị bị áp lực về tâm lý, mệt mỏi dẫn đến hay cáu bẳn vô cớ với anh Liên. Nay nhà đã cơ bản làm xong, các con đã đi làm và đi học, chị đã biết sai trái, đã rất hối hận về những lời nói không phải với anh Liên, tại các phiên hoà giải chị vẫn mong anh tha thứ, bỏ qua để vợ chồng đoàn tụ. Chị Phương đã biết sai, hối hận về cách xử sự của mình đối với chồng, tại phiên toà chị có nguyện vọng đoàn tụ vì chị còn thương yêu và còn tình cảm vợ chồng với anh Liên. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng của chị Phương là chính đáng, cần tạo cho chị Phương một cơ hội để chị sửa chữa, khắc phục khuyết điểm của mình; hơn nữa anh Liên tuổi đã cao, thị giác kém, nếu ly hôn anh phải sống dựa vào con gái để được chăm sóc trong khi chị Phương tha thiết đề nghị cho vợ chồng đoàn tụ để chị làm tròn trách nhiệm của người vợ. Tại phiên toà chị Phương trình bày, thời gian gần đây anh Liên vẫn về thăm chị và anh Liên cũng thừa nhận cho thấy tình cảm vợ chồng của anh Liên đối với chị

Phuong vẫn còn. Vì vậy, cần thiết tạo cho chị Phuong một cơ hội để vợ chồng trở lại đoàn tụ, cùng chăm sóc lẫn nhau theo đạo lý “con chăm cha không bằng bà chăm ông”.

[2.2] Về quan hệ con cái: Các con chung của anh Liên, chị Phuong đã trưởng thành; anh, chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Quá trình chung sống, anh Liên và chị Phuong tạo lập khối tài sản chung gồm 511m² đất thổ cư; 01 ngôi nhà ống ; 4.415,8 m² đất trồng keo, tràm tổng cộng: 1.386.821.006 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu tám trăm hai mươi một nghìn sáu đồng).

Về nợ chung, anh Liên và chị Phuong kê khai các khoản nợ tổng cộng 1.343.850.000 đồng (Một tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Ngày 14/12/2018 anh Lê Văn Liên và anh Lê Đức Nhân có đơn xin rút yêu cầu giải quyết số tiền 524.630.000 đồng. Đối với các khoản nợ chị Phuong trình bày, căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngôi nhà anh Liên, chị Phuong thì thấy rằng ngôi nhà xây năm 2017-2018, nhà ống một tầng đã hoàn thiện, diện tích 146,91m² trị giá 715.691.280 đồng. Anh Liên kê khai trị giá ngôi nhà 350.000.000 đồng và nợ khoảng 50.000.000 đồng; chị Phuong kê khai trị giá ngôi nhà 800.000.000 đồng và nợ số tiền 819.220.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian làm nhà anh Liên không có mặt ở nhà, chi phí xây dựng ngôi nhà, các khoản nợ vật liệu, công thợ và vay mượn tiền mặt đều do chị Phuong thực hiện, anh Liên không biết nên kê khai giá trị ngôi nhà mới xây trị giá 350.000.000 đồng. Thông thường, giá trị thực tế ngôi nhà luôn cao hơn giá do hội đồng định giá xác định. Vì vậy, các khoản nợ chị Phuong kê khai và yêu cầu giải quyết là nợ chung của vợ chồng là có cơ sở. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Liên nên không xem xét các khoản nợ chung này. Anh Hoàng Trọng Vinh, anh Lê Xuân Quảng, chị Võ Thị Tú, chị Đinh Thị Bình có quyền khởi kiện những người vay mượn, nợ tiền vật liệu, nợ tiền công để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Xác định vị trí ngôi nhà và diện tích đất thực tế sử dụng của anh Liên, chị Phuong nhiều hơn 165m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp: Sau khi xem xét, thẩm định tại chỗ thấy rằng, vị trí đất được cấp phía Bắc đã xây hàng rào, phía Đông giáp đường liên thôn đã xây hàng rào, phía Nam giáp đường đi nhưng chưa xây hàng rào, phía Tây ngăn cách bởi mương thoát nước. Hội đồng tiến hành xem xét, thẩm định và định giá diện tích 511m² theo yêu cầu của đương sự và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Căn cứ trích lục bản đồ và xem xét, thẩm định tại chỗ cũng như lời trình bày của các đương sự: Ngôi nhà được xây dựng trên phần đất phía Bắc, có chiều rộng 8,3 mét, chiều dài 17,7 mét. Phần diện tích tăng nằm ở phía Tây Nam, sát với đường đi vào xóm do trước đây là bờ tre nhưng hiện nay đã chặt phá hết. Theo văn bản do UBND xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy cung cấp: Kết quả đo đạc thực tế diện tích tăng là do sai số đo đạc giữa đo thủ công và đo bằng máy, diện tích đất sử dụng ổn định không tranh chấp. Vì vậy, nếu giải quyết tài sản,

Hội đồng xét xử tạm giao phần diện tích vượt so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự.

[4] Đối với diện tích đất trồng rừng: Các đương sự đều trình bày diện tích đất trồng rừng ghép hộ được chia 5.200m². Tuy nhiên, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/10/2018, bản kê khai do nguyên đơn nộp, xác định đất trồng rừng của anh Liên, chị Phương chung với bà Dương Thị Hề (Bà Hề đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung cho các hộ) diện tích thực tế sử dụng 4.415,8m², thiếu so với diện tích các đương sự đã kê khai 784,2m². Tại phiên toà các đương sự yêu cầu giải quyết diện tích 4.415,8m² và trình bày: Nguyên nhân giảm diện tích do các hộ thoả thuận chia tách phân ranh đai và căn cứ theo trích đo của đơn vị đo đạc để làm giấy CNQSD đất riêng. Theo văn bản do UBND xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy cung cấp: Diện tích đất hộ ông Lê Văn Liên, Võ Thị Phương kê khai 5.200m² là do các hộ gia đình tự thoả thuận với nhau và đo bằng thủ công. Theo kết quả đo đạc địa chính để cấp giấy CNQSD đất, diện tích đất của ông Lê Văn Liên, bà Võ Thị Phương thuộc thửa 246, tờ bản đồ 30 với diện tích 4.415,8m²; bà Dương Thị Hề, người đại diện đứng tên trong giấy CNQSD đất chung cho các hộ gia đình cũng xác định diện tích đất của anh Liên, chị Phương là 4.415,8m². Trường hợp giải quyết tài sản, Hội đồng xét xử tạm giao diện tích 4.415,8m² theo yêu cầu của các đương sự để các đương sự làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn Liên đã nộp tạm ứng số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Đã chi phí số tiền 1.700.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của anh Liên không được chấp nhận nên phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 1.700.000 (Một triệu bảy trăm nghìn) đồng là phù hợp với khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trả lại 1.300.000 (Một triệu ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn thừa cho anh Lê Văn Liên.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Liên phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình;

Áp dụng khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm h khoản 1 Điều 217, điểm đ khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Văn Liên. Quan hệ giữa anh Lê Văn Liên và chị Võ Thị Phương vẫn là quan hệ vợ chồng.

2/ Anh Hoàng Trọng Vinh, anh Lê Xuân Quảng, chị Võ Thị Tú, chị Đinh Thị Bình có quyền khởi kiện những người vay mượn, nợ tiền vật liệu, nợ tiền công để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình.

3/ Về chi phí tố tụng: Buộc anh Lê Văn Liên phải chịu 1.700.000 (Một triệu bảy trăm nghìn) đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 3.000.000 (Ba triệu) đồng, anh Liên được nhận lại số tiền 1.300.000 (Một triệu ba trăm nghìn) đồng.

4/ Về án phí: Buộc anh Lê Văn Liên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.800.000 đồng anh đã nộp theo biên lai số 0001807 ngày 17/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Anh Liên được hoàn trả 2.500.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy. Trả lại cho chị Võ Thị Phương tiền tạm ứng án phí yêu cầu giải quyết tài sản số tiền 16.358.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số 0001854 ngày 07/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Án xử công khai có mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/01/2019) để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- UBND xã Hưng Thủy;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Ngọc Sơn